



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cảng Đồng Nai

Ngày 30/09/2025	93,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.2%	-1.3%	6.7%

DT thuần Q3/25
399
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00 1.8%
YoY: ▲ 66.0 19.8%

LN thuần Q3/25
134
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 6.00 -4.1%
YoY: ▲ 23.0 21.0%

LN sau thuế Q3/25
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 17.0 -13.6%
YoY: ▲ 17.9 19.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
33.9%
YoY: +/- ▼ 6.5%

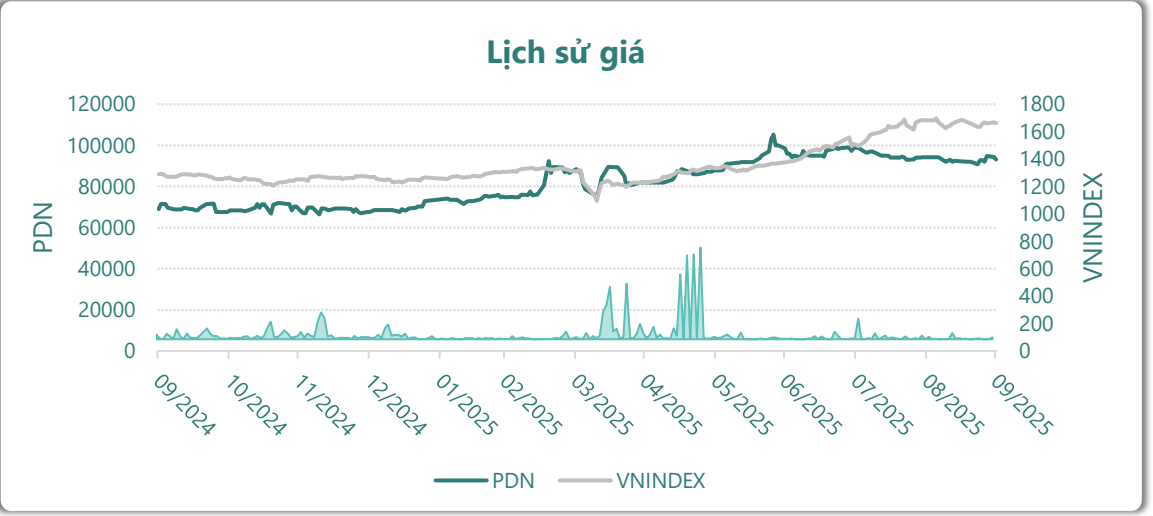
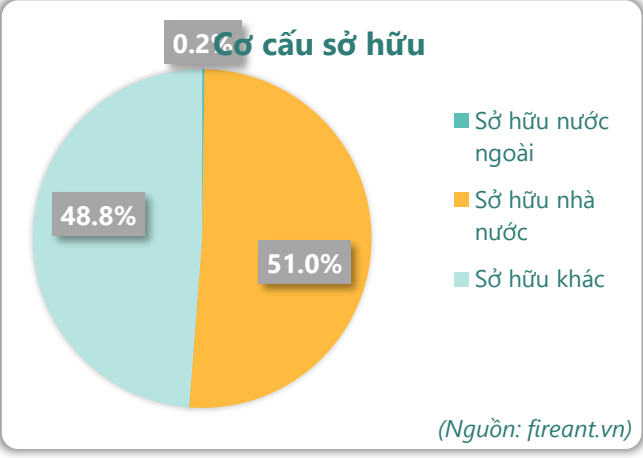
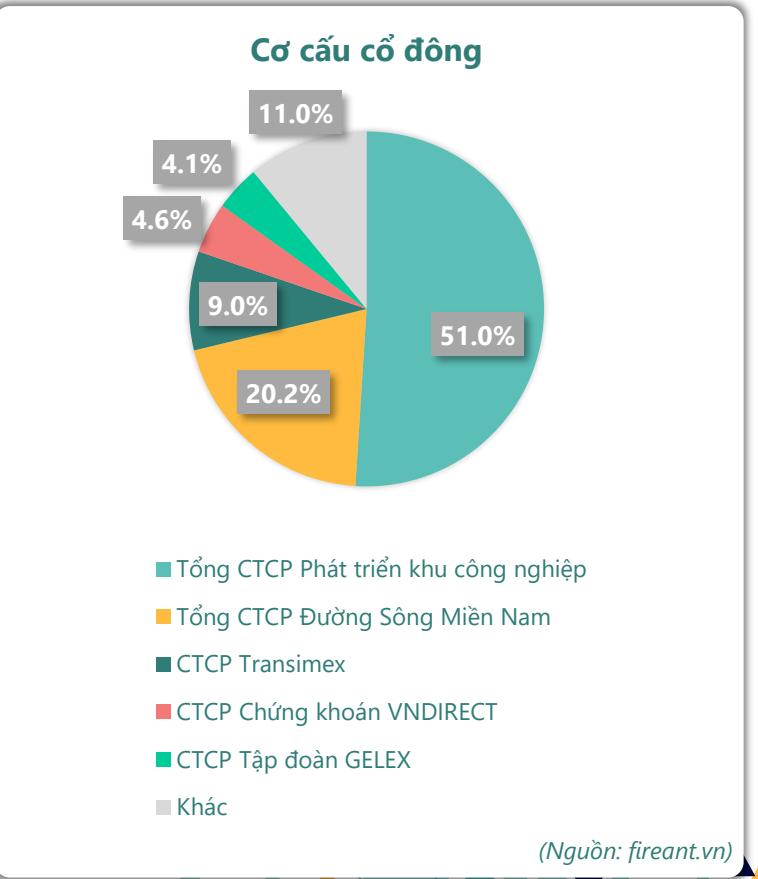
ROE (TTM) Q3/25
33.1%
YoY: +/- ▼ 1.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	66,407 - 105,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,168
Số lượng CPLH (CP)	55,565,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,030
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.67
EPS	7,550
P/E	12.3

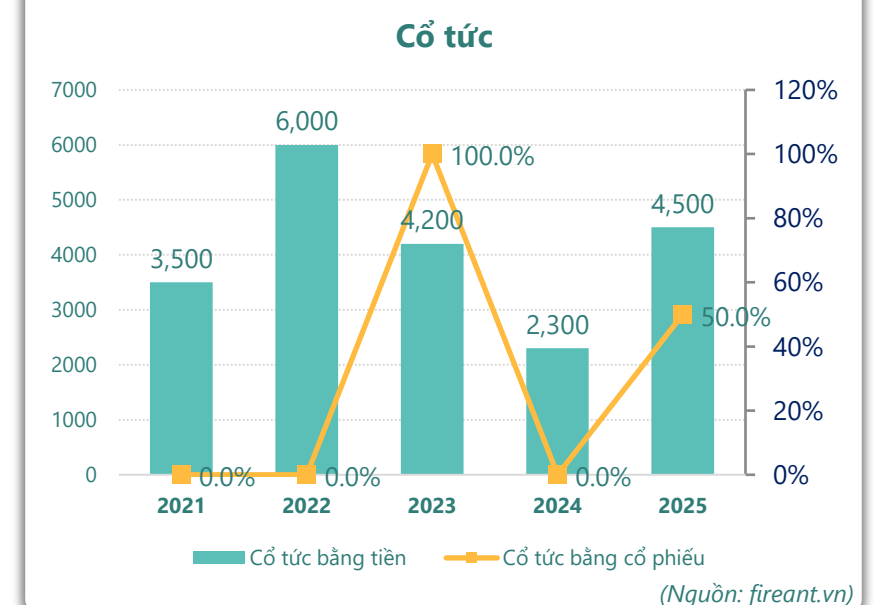
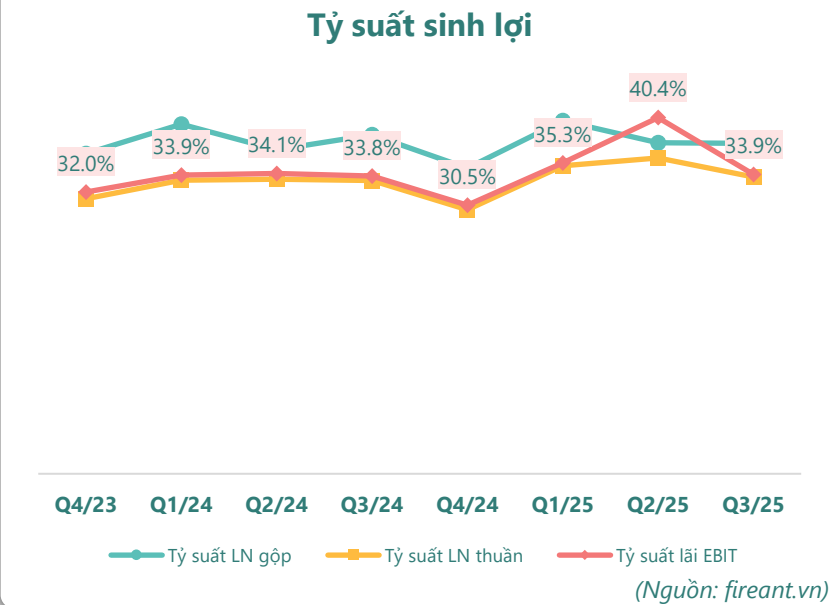
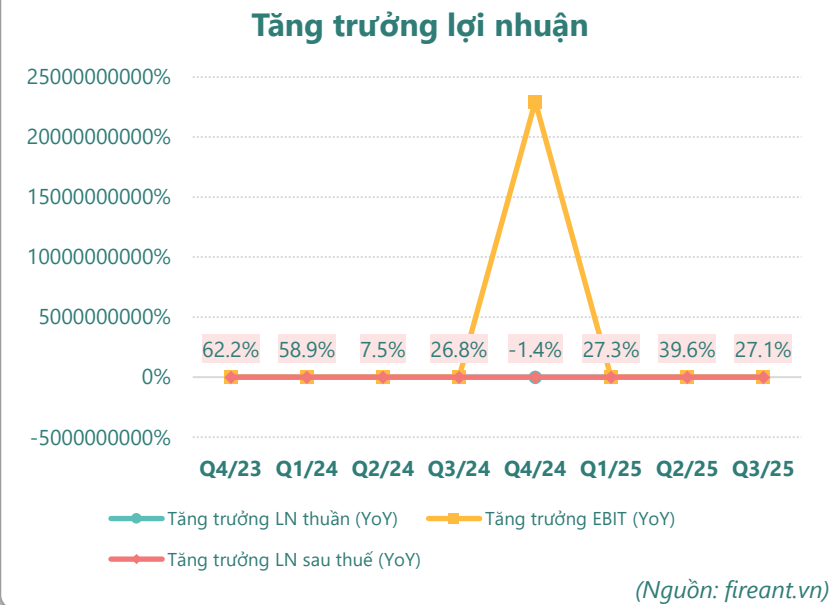
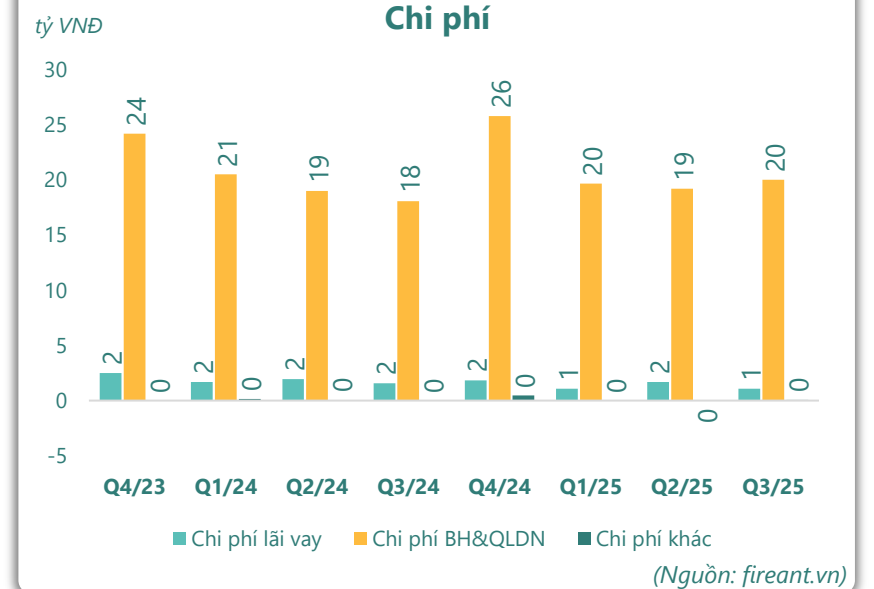
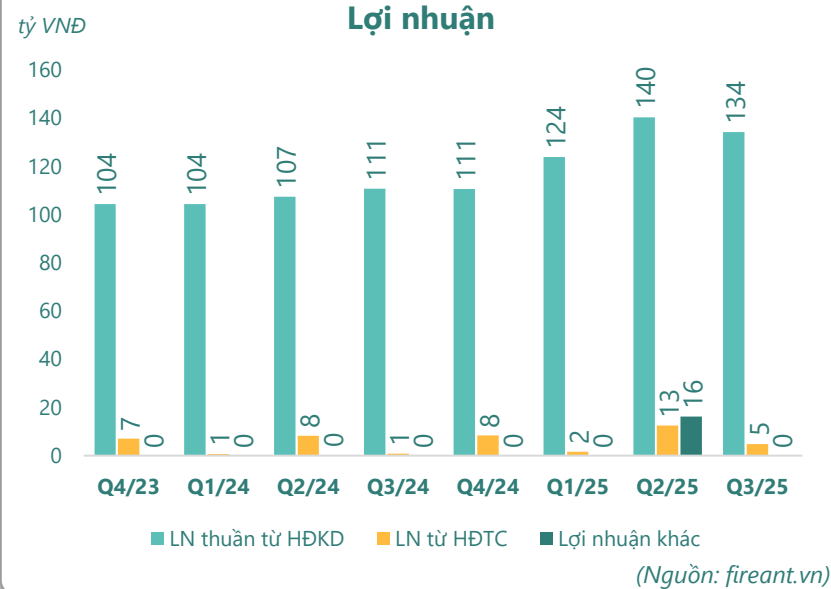
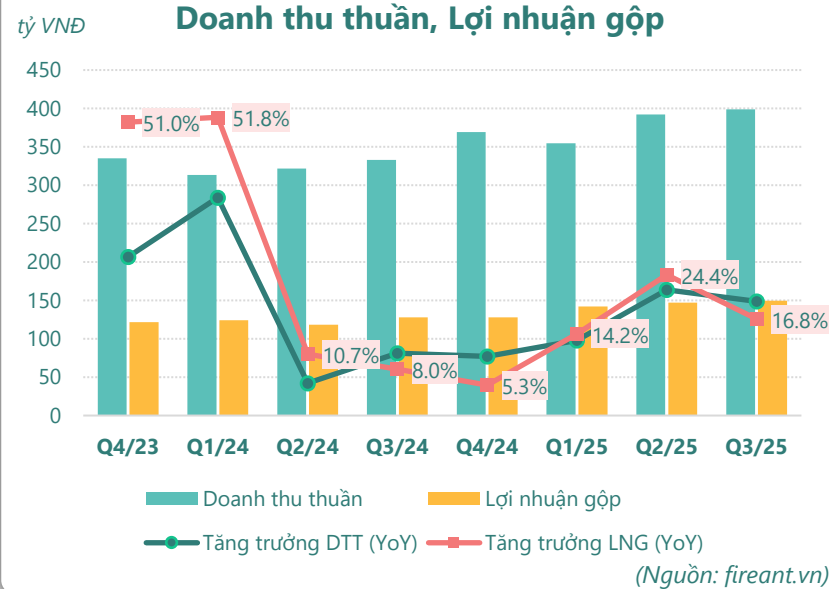
DT thuần 9T 2025
1,145
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 177 18.3%

LN thuần 9T 2025
399
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 76.0 23.5%

LN sau thuế 9T 2025
333
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 73.0 27.7%



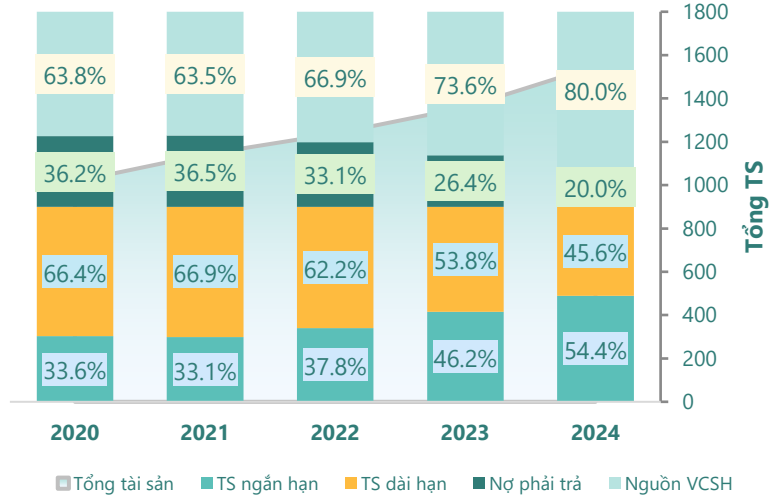
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

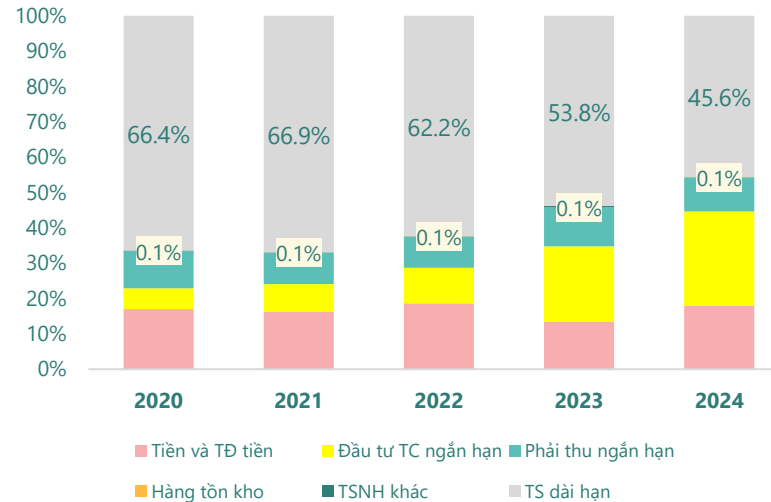
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

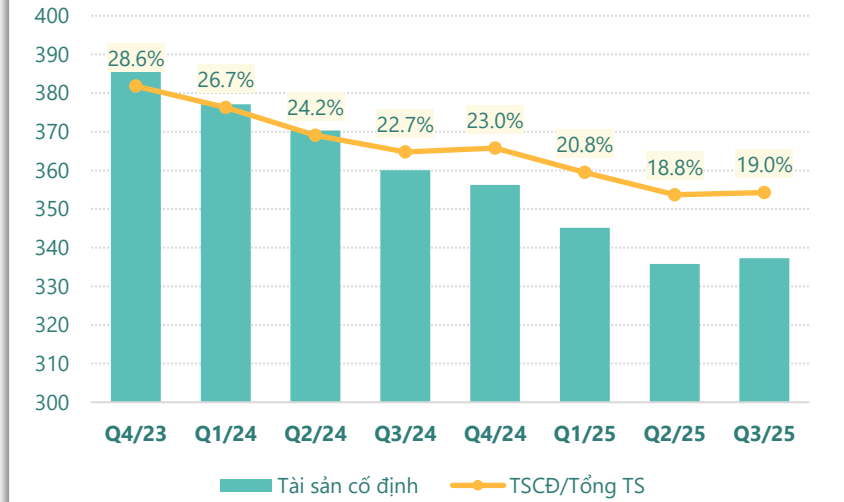
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

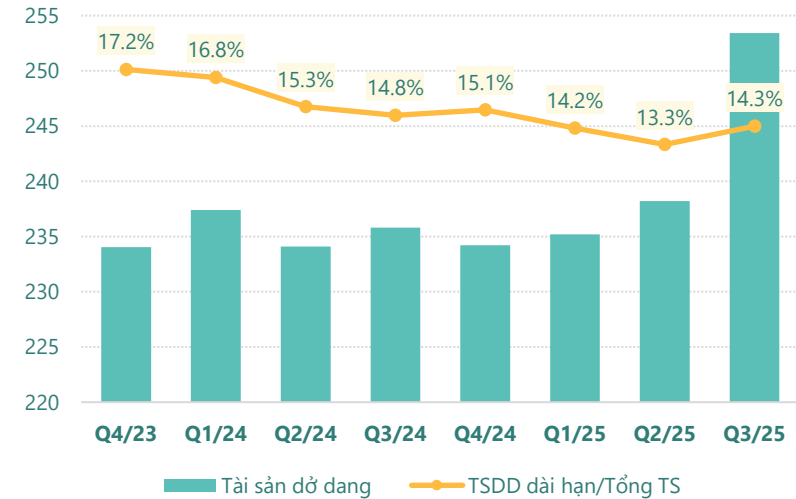
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

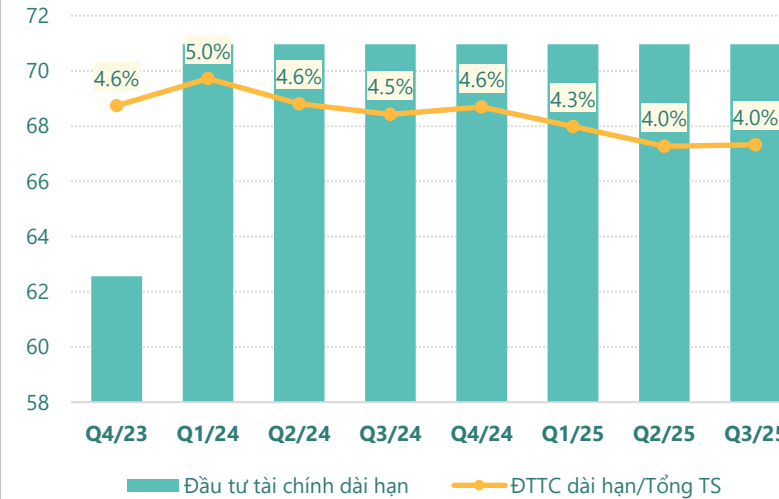
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

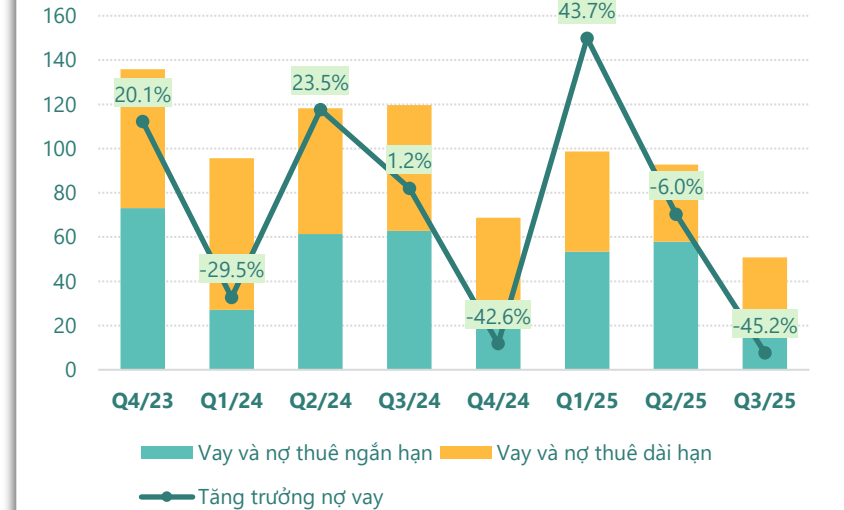
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

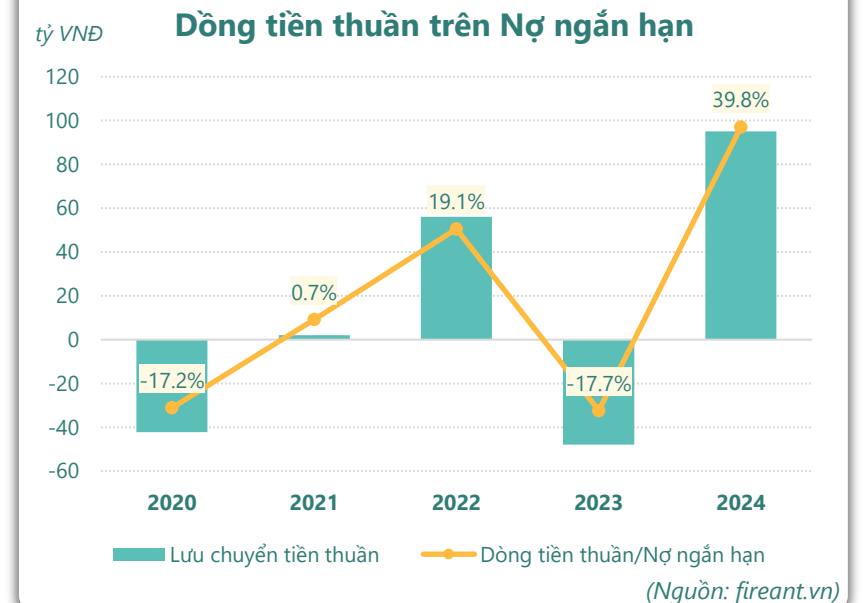
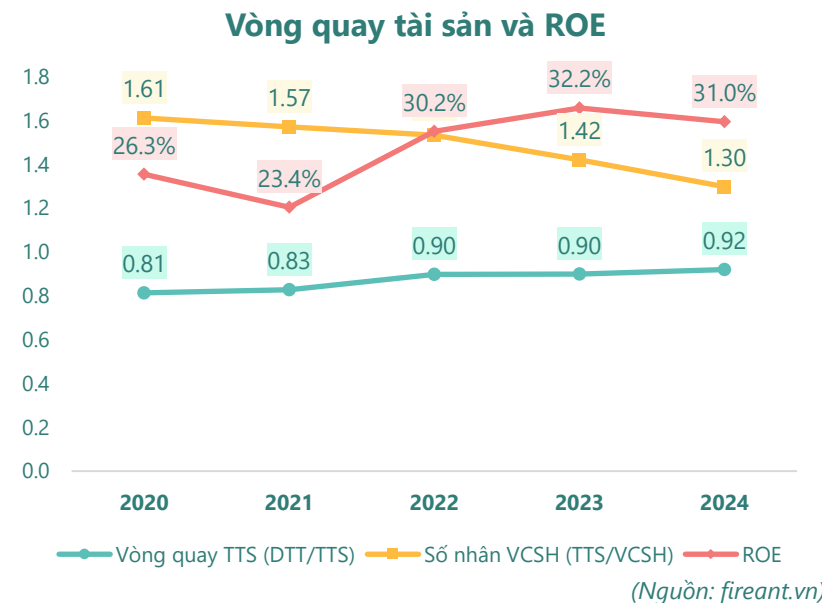
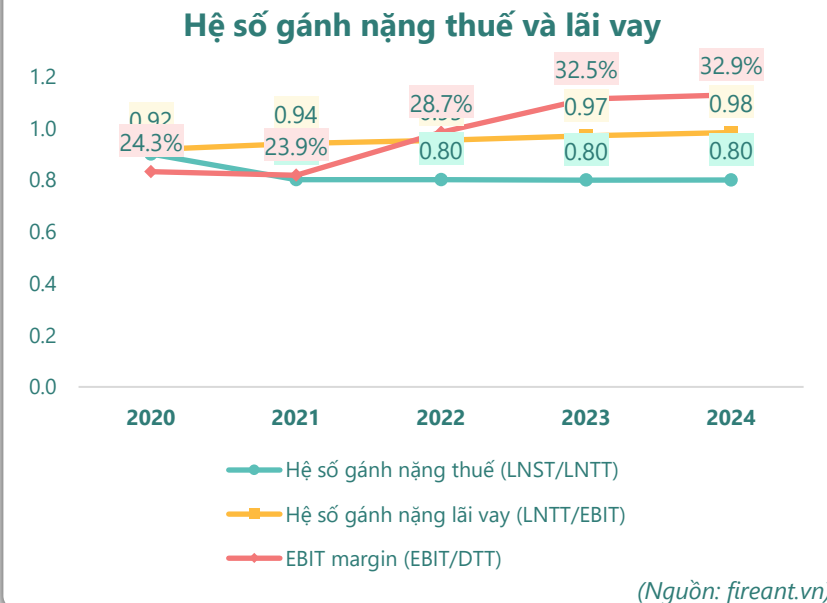
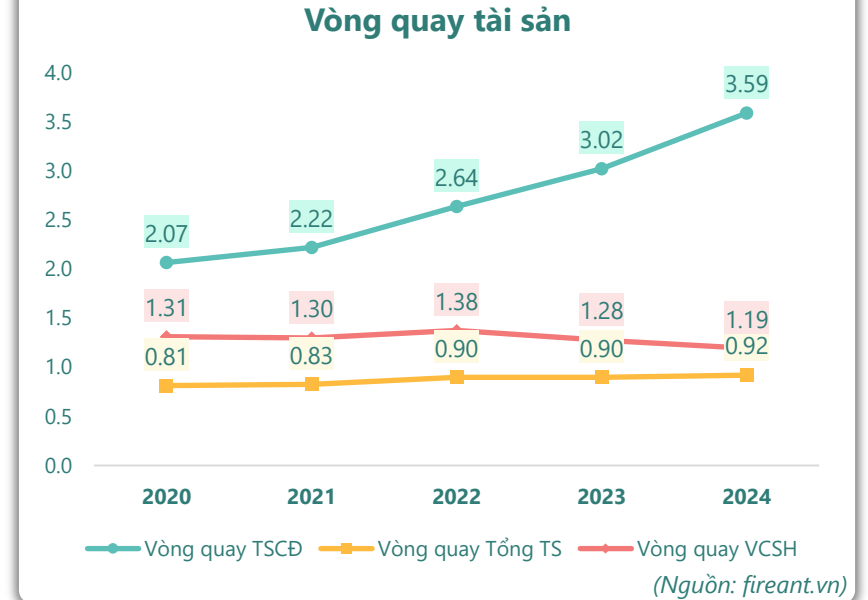
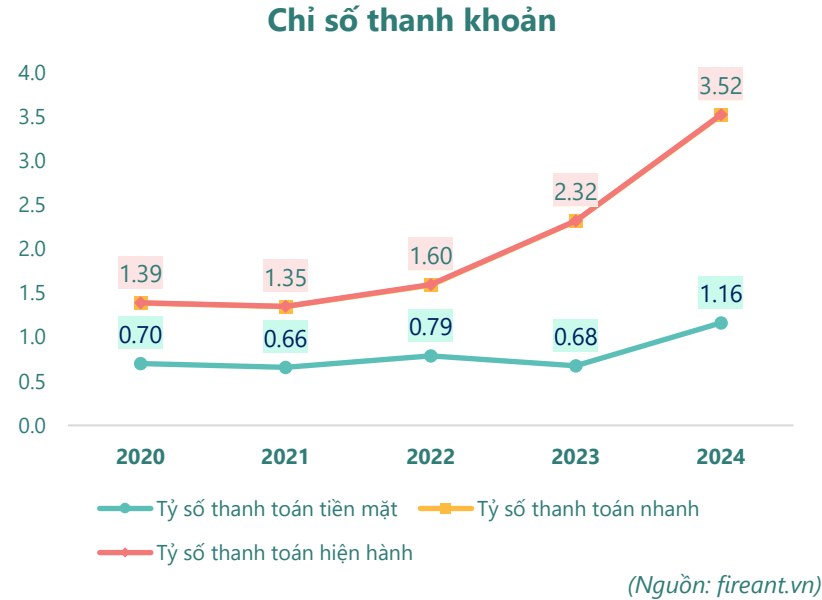
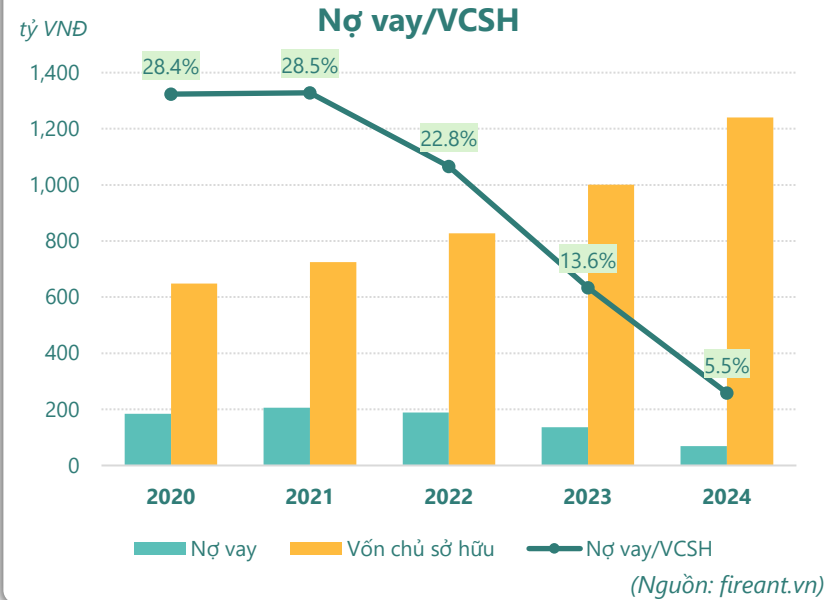
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	399	333	19.8%	1,145	968	18.3%
Giá vốn hàng bán	249	205	21.7%	707	598	18.3%
Lợi nhuận gộp	149	128	16.8%	439	371	18.4%
Doanh thu HĐTC	5.89	2.39	147%	22.9	15.0	52.9%
Chi phí TC	1.08	1.57	-30.9%	3.89	5.22	-25.5%
Chi phí lãi vay	1.08	1.56	-31.1%	3.85	5.19	-25.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	5.26	3.64	44.4%	12.8	14.9	-14.0%
Chi phí QLDN	14.8	14.5	1.9%	46.2	42.8	7.9%
LN thuần từ HĐKD	134	111	21.0%	399	323	23.5%
Lợi nhuận khác	0.07	0.07	6.0%	16.4	0.34	4657%
LN trước thuế	134	111	21.0%	415	323	28.5%
Lợi nhuận sau thuế	108	90.1	19.9%	333	260	27.7%
LNST của CĐ cty mẹ	108	90.1	19.9%	333	260	27.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.4	148	60.2	83.1	184	117
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.9	-3.24	-48.8	-109	-75.8	-58.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.5	-83.7	-51.0	-2.26	-47.9	-134
Tiền đầu kỳ	184	256	317	278	250	310
Lưu chuyển tiền thuần	72.0	61.3	-39.6	-28.0	60.1	-76.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.17	0	0	0
Tiền cuối kỳ	256	317	278	250	310	234

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,776	1,549	14.7%
Tài sản ngắn hạn	1,071	843	27.0%
Tiền và tương đương tiền	234	278	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	647	413	56.7%
Phải thu ngắn hạn	185	150	23.2%
Hàng tồn kho	1.65	1.74	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.85	0.43	801%
Tài sản dài hạn	705	706	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	337	356	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	253	234	8.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	43.3	44.3	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	395	309	27.7%
Nợ ngắn hạn	335	239	40.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.9	23.5	-32.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	143	91.1	56.6%
Nợ dài hạn	59.5	69.8	-14.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.9	45.2	-22.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,381	1,240	11.4%
Vốn chủ sở hữu	1,381	1,240	11.4%
Vốn điều lệ	556	370	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

